TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Xuyên

2. Ông Phan Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2020/TLST-HNGĐ ngày 22-6-2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Cẩm T**, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn E**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/6/2020, biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2020 và và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Tuấn E chung sống với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống thật sự hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tuấn E không chí thú làm ăn mà chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, mỗi khi anh Tuấn E uống rượu về hay kiếm chuyện rồi đánh tôi nhiều lần, vì thương con còn nhỏ nên tôi cũng cố gắng nhẫn nhịn để tiếp tục chung sống nhưng anh Tuấn E vẫn tính nào tật ấy không chịu sửa đổi mà làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều không thể khắc phục được, do đó vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ tháng 03 năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn liên lạc gì qua lại với nhau.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoài T, sinh ngày 12/10/2010 đang sống chung với anh Tuấn E và Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 23/6/2013 hiện đang sống với chị.

Về tài sản, về nợ: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn anh Nguyễn Tuấn E;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu nuôi Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 23/6/2013, giao anh Tuấn E nuôi Nguyễn Hoài T, sinh ngày 12/10/2010, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn. Chị không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con vì hiện chị đang làm thuê, cụ thể công việc là cắt đầu cá biển ở Rạch Sỏi nên thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng;

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn anh Nguyễn Tuấn E vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm T trong

quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Tuấn E trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xE xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho chị Võ Thị Cẩm T ly hôn anh Nguyễn Tuấn E; về nuôi con chung, giao Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 23/6/2013 cho chị T trực tiếp nuôi, giao Nguyễn Hoài T, sinh ngày 12/10/2010 cho anh Tuấn E trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn; về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn anh Nguyễn Tuấn E biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm T. Nhưng bị đơn anh Tuấn E không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Tuấn E, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn anh Tuấn E vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Nguyễn Tuấn E, nhưng bị đơn anh Tuấn E vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Tuấn E, nhưng bị đơn anh Tuấn E vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn

anh Tuấn E theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: chị Võ Thị Cẩm T và anh Nguyễn Tuấn E tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tuấn E là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng: Theo chị T trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh Tuấn E không chí thú làm ăn, có lần vợ chồng cãi nhau anh Tuấn E có đánh chị T, chị T đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng anh Tuấn E vẫn không thay đổi tính tình làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng nhiều, không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh Tuấn E là có thật, phù hợp với lời trình bày của chị T nêu trên (Bút lục số 34).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy anh Tuấn E đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Tuấn E theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Theo chị T, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoài T, sinh ngày 12/10/2010 đang sống chung với anh Tuấn E và Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 23/6/2013 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 23/6/2013, giao anh Tuấn E nuôi Nguyễn Hoài T, sinh ngày 12/10/2010, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho anh Tuấn E, nhưng anh Tuấn E vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của chị T nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, cháu Nguyễn Thị Mỹ X, Nguyễn Hoài T cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (chị T, anh Tuấn E) ly hôn, cháu Mỹ X có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T; còn cháu Hoài T có nguyện vọng sống chung với anh Tuấn E. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày

23/6/2013 cho chị T trực tiếp nuôi, giao Nguyễn Hoài T, sinh ngày 12/10/2010 cho anh Tuấn E trực tiếp nuôi sau khi chị T và anh Tuấn E ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chị T không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của chị T nêu ra thì hiện nay chị có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó anh Tuấn E không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Đồng thời, do từ khi thụ lý đến nay anh Tuấn E không có ý kiến thể hiện gì về việc buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh, do đó về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị T đối với anh Tuấn E trong trường hợp này được xác định các đương sự không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Theo chị T, vợ chồng không tài sản chung; không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của chị T về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để anh Tuấn E biết, nhưng đến nay anh Tuấn E không có ý kiến gì phản bác ý kiến của chị T và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (chị T, anh Tuấn E) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm T có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Cẩm T ly hôn anh Nguyễn Tuấn E.

2 - Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 23/6/2013 cho chị T trực tiếp nuôi, giao Nguyễn Hoài T, sinh ngày 12/10/2010

cho anh Tuấn E trực tiếp nuôi *(đúng theo nguyện vọng của Nguyễn Thị Mỹ X, Nguyễn Hoài T),* không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Võ Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007907 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2020); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh KG;*
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các Đ/s;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã A;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh